TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Hiền.

2. Ông Phạm Đình Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2017/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Yến T, sinh năm 1978.

Trú tại: Đội 7, thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Mai Xuân T, sinh năm 1977.

Trú tại: Đội 7, thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Yến T trình bày:

Chị và anh Mai Xuân T do tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình chấp nhận, tiến hành tổ chức đám cưới vào ngày 16/12/1996 âm lịch. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 17/01/1998.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được nửa năm thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do, anh T không lo làm ăn, rượu chè về nhà gây sự đánh đập chị; anh T không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặc dù, chị đã khuyên giải nhiều lần và cho anh T cơ hội để sửa chữa, từ bỏ thói hư tật xấu nhưng anh T vẫn tính nào tật ấy. Do vậy, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống từ tháng 8/2016 đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì nữa, không thể hàn gắn vì xa cánh đã lâu nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Mai Thị Yến N, sinh năm 1998 và Mai Xuân N, sinh ngày 01/3/2000. Con Mai Thị Yến N hiện đang là sinh viên; vợ chồng đã có chuẩn bị tiền cho con ăn học nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Khi ly hôn, con Mai Xuân N yêu cầu được ở với ba nên chị đồng ý giao con Mai Xuân Nhiên cho anh Mai Xuân T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con vì anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Mai Xuân T trình bày:

Anh thống nhất với chị Đỗ Thị Yến T trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau. Vì vợ chồng có mâu thuẫn với nhau trong việc quản lý, chi tiêu tiền bạc, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên kình cãi, đôi lúc nóng tính anh có đánh đánh chị T. Mặc dù, hai bên biết khuyết điểm của mình nhưng không ai chịu cải sửa để hòa hợp chung sống. Vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống từ tháng 8/2016 đến nay. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm yêu thương vợ mặc dù tình cảm yêu thương không còn như lúc trước, nên anh không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Mai Thị Yến N, sinh năm 1998 và Mai Xuân N, sinh ngày 01/3/2000. Con Mai Thị Yến N hiện đang là sinh viên; vợ chồng đã có chuẩn bị tiền cho con ăn học nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Con Mai

Xuân N đã trưởng thành và đã trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, chuẩn bị lên đường nhập ngũ nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Tại văn bản xác minh ngày 21/01/2018, nơi vợ chồng anh T, chị T sinh sống cung cấp như sau: trong quá trình chung sống anh Mai Xuân T thường xuyên rượu chè và gây sự, đánh đập chị Đỗ Thị Yến T. Đến năm 2016, chị T vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, không còn sống chung với anh T.

***** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến việc tuân thủ pháp luật tố tụng từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định pháp luật. Riêng về thời hạn xử lý đơn khởi kiện có vi phạm về thời hạn. Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn (cho ly hôn); về con chung: các con đã thành niên, các bên không có yêu cầu gì nên miễn xét; về tài sản chung: các bên tự thỏa thuận phân chia, không có yêu cầu gì nên miễn xét; về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Yến T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Yến T và anh Mai Xuân T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 17/01/1998 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc kình cãi và trầm trọng hơn nữa là vợ chồng không giải quyết mâu thuẫn bằng việc khuyên nhủ, phân tích đúng sai để cải sửa mà anh T đã dùng vũ lực, đánh chị T. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt không thể hàn gắn lại được. Chị T và

anh T đã cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau từ tháng 8/2016 cho đến nay. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Mai Xuân T không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận đã có hành vi đánh vợ và địa phương cũng đã xác nhận sự việc này. Bên cạnh đó, vợ chồng xa cách đã lâu (từ tháng 8/2016 cho đến nay) nhưng anh T vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình; chị T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn nên yêu cầu của anh T không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Mai Thị Yến N, sinh năm 1998 và Mai Xuân N, sinh ngày 01/3/2000. Tính đến thời điểm xét xử thì con Mai Xuân N đã đủ 18 tuổi. Các con đã thành niên và không có yêu cầu gì nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Đỗ Thị Yến T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003237 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Yến T được ly hôn với anh Mai Xuân T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Mai Thị Yến N, sinh năm 1998 và Mai Xuân N, sinh ngày 01/3/2000. Các bên không có yêu cầu gì nên miễn xét.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Yến T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003237 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu. Chị T đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Phương Thảo